

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/DS-ST

Ngày: 12 - 3 - 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Lý
- Ông Võ Thành Trung

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Kim Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Trong ngày 12 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1971; Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lê Thanh P**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Thị D**, sinh năm 1991 và ông **Nguyễn Hoàng A** (Tên gọi khác: Sâu), sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã Th, huyện T, tỉnh Long An.

Ông Phong có mặt; bà D và ông A vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Thanh L: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh L do ông Lê Thanh P đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông L có mở cửa hàng mua bán thức ăn thủy sản và thuốc thủy sản với bản hiệu “Thanh Liêm”. Từ ngày 17/10/2018 cho đến năm 2020, vợ chồng ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Thị D có mua thức ăn, thuốc thủy sản tại cửa hàng của ông L, mục đích để nuôi cá. Trong những lần hai bên giao dịch mua bán thì có lần ông A, bà D trả tiền và có lần ghi nợ nhưng thời gian lâu vẫn chưa thanh toán nợ.

Ngày 25/6/2020, ông L và ông A đối chiếu số tiền nợ và ông A có viết giấy nợ với tiêu đề “xác nhận” để thống nhất tổng số nợ mà vợ chồng ông A, bà D còn nợ ông L là 114.565.000 đồng. Ông A hẹn vụ lúa thứ 3 (tức tháng 7/2020) sẽ trả số tiền 20.000.000 đồng, khoản 3 tháng (tức tháng 10/2020) sẽ trả hết số tiền còn lại. Tuy nhiên, khi đến thời hạn thì vợ chồng ông A, bà D không trả tiền cho ông L như đã thỏa thuận. Ông L nhiều lần yêu cầu ông A và bà D trả tiền nhưng ông A, bà D không thực hiện. Đến ngày 12/3/2023, ông A ký xác nhận hẹn đến ngày 12/4/2023 sẽ trả số tiền 10.000.000 đồng và số tiền còn lại sẽ trả trong thời hạn 01 tháng tiếp theo. Tuy nhiên, vợ chồng ông A, bà D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như thỏa thuận.

Ông Nguyễn Hoàng A có tên thường gọi là “Sâu”. Do đó, khi viết giấy xác nhận hẹn nợ, ông A viết và ký tên với tên thường gọi là “Sâu”. Phía nguyên đơn xác định Nguyễn Hoàng A và Sâu là cùng một người.

Ngày 25/10/2023, tổ hòa giải ấp 4, xã Th, huyện T, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải tranh chấp giữa ông L với ông A, bà D. Tại biên bản hòa giải cơ sở ông Nguyễn Hoàng A thừa nhận nợ ông L số tiền 114.565.000 đồng, xin không trả lãi. Hai bên không thống nhất được số tiền và thời hạn trả nên biên bản hòa giải không thành.

Do ông A và bà D nợ tiền thời gian đã lâu nên ông L khởi kiện yêu cầu ông A và bà D liên đới trả số tiền nợ. Tại gốc là 114.565.000 đồng và số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 0.83%/tháng, tính từ ngày 26/10/2020 đến ngày 11/3/2023, số tiền lãi là 27.100.000 đồng và từ ngày 13/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/3/2024, số tiền lãi là 9.508.000 đồng. Tổng cộng là: 36.608.000 đồng.

Đề nghị của bị đơn – ông Nguyễn Hoàng A: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hoàng A trình bày:

Ông A thừa nhận ông có mua thức ăn và thuốc thủy sản tại cửa hàng của ông L nhiều năm để nuôi cá nhằm làm ăn kinh tế gia đình. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên có nhiều lần ông A mua thức ăn, thuốc thủy sản phải ghi nợ và đến nay vẫn chưa trả hết nợ. Ông A xác định có tên thường gọi “Sâu”. Do đó, khi viết giấy xác nhận nợ với ông L thì ông A đã ghi tên thường gọi. Ông A thừa nhận giấy xác nhận ghi ngày 25/6/2020 là do ông viết và ký tên. Ông A thừa nhận số tiền nợ ông L là 114.565.000 đồng. Ông A hẹn đến vụ lúa thứ 3 (tức khoảng tháng 7/2020) sẽ trả cho ông L số tiền 20.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả trong thời hạn 03 tháng. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ nên khi đến thời hạn thì ông A không trả số tiền này. Đến ngày 12/3/2023, ông A có xác nhận thêm vào giấy nợ hẹn đến ngày 12/4/2023 sẽ trả số tiền 10.000.000 đồng và số tiền còn lại sẽ trả một tháng sau sẽ trả. Đến ngày 25/10/2023, tổ hòa giải ấp 4, xã Th, huyện T, tỉnh Long An có tiến hành hòa giải tranh chấp phát sinh giữa ông L với ông A nhưng phiên hòa giải không thành.

Nay, ông L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Thị D liên đới trả tiền gốc, lãi thì ông A không đồng ý. Ông A không đồng ý liên đới cùng bà D trả nợ như yêu cầu khởi kiện của ông L. Việc mua thức ăn, thuốc thủy sản là do ông A tự thực hiện, không liên quan đến bà D. Ông A chỉ đồng ý trả cho ông L số tiền nợ gốc 114.565.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Về thời gian trả, ông A xin trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đề nghị của bị đơn – bà Huỳnh Thị D: Bà D đã được Tòa án huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng bà D vắng mặt và không có ý kiến hay văn bản đề nghị đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại Bộ luật Dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định ông L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Thị D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L số tiền 114.565.000 đồng nợ gốc. Ông A vắng mặt nhưng ý kiến trình bày tại bản tự khai ngày 19/12/2023 và lời trình bày tại biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 31/01/2024 thì ông A thừa nhận ông A có mua thức ăn, thuốc thủy sản của nguyên đơn và còn nợ số tiền gốc là 114.565.000 đồng. Ông A thừa nhận chữ ký tại giấy xác nhận ngày 25/6/2020 và ngày 12/3/2023 là của ông A. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông L thì ông A đồng ý trả cho ông L số tiền nợ gốc 114.565.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông A và bà D trả cho ông L số tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng, tính từ ngày 26/10/220 đến ngày 11/3/2023 và từ ngày 13/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/3/2024. Xét thấy, ông A có thỏa thuận thời hạn trả với ông L nhưng không thực hiện nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả theo mức lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận. Thời hạn yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Số tiền lãi ông A và bà D phải có nghĩa vụ trả như sau: Thời gian tính từ ngày 26/10/220 đến ngày 11/3/2023, số tiền lãi là 27.100.000 đồng và từ ngày 13/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/3/2024, số tiền lãi là 9.508.000 đồng, tổng cộng số tiền lãi là 36.608.000 đồng.

Về trách nhiệm trả nợ, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định ông L yêu cầu vợ chồng ông A và bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc 114.565.000 đồng và 36.608.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 151.173.000 đồng. Bà D vắng mặt không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án về việc phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông A xác định việc mua thức ăn, thuốc thủy sản là để làm ăn kinh tế gia đình nhưng ông A cho rằng số tiền nợ này là do ông A tự thực hiện, không liên quan đến bà D nên không đồng ý cùng bà D trả nợ. Xét thấy, ông A và bà D là vợ chồng, việc mua thức ăn, thuốc thủy sản là nhằm mục đích kinh tế gia đình nên bà D phải có nghĩa vụ liên đới với ông A trả nợ cho ông L.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 288, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh L đối với ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Thị D về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Buộc ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh L số tiền gốc 114.565.000 đồng và 36.608.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 151.173.000 đồng.

[4] Về thời gian trả và cách thức trả: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả một lần; ông A đề nghị trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng, bà D vắng mặt không có ý kiến trình bày. Xét thấy, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Thanh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Thị D phải liên đới chịu số tiền 7.559.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 440, 288, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh L đối với ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Thị D.

Buộc ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thanh L số tiền gốc 114.565.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) và 36.608.000 đồng (Ba mươi sáu

triệu sáu trăm lẻ tám nghìn đồng) tiền lãi, tổng cộng là 151.173.000 đồng (Một trăm năm mươi một triệu một trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Hoàng A và bà Huỳnh Thị D phải liên đới chịu số tiền 7.559.000 đồng (Bảy triệu năm trăm năm mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp sung vào ngân sách Nhà nước.

Ông Nguyễn Thanh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông L số tiền 3.803.000 đồng (Ba triệu tám trăm lẻ ba nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003757 ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An.

3. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thật